

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HS-ST
Ngày 20/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Thu.

2. Ông Y Nik Ê Ban.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Tại, Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/HS-ST ngày 23/8/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HS ngày 06/9/2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Anh Đ, Sinh năm 1994, tại huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 7, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 02 Tiền án, Bản án số 76/2015/HSST ngày 07/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Bản án số 44/2016/HSPT ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/12/2015, bị Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 06/7/2016, bị Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Ngày 15/10/2017 chấp hành xong hình phạt về sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/6/2018 hiện đang tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thanh U, Sinh năm 1993, tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Trần Thanh H và bà Lưu Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục A1 Tổng cục VIII tại tỉnh Phú Yên về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 11/3/2014 chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, trở về sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Anh Nguyễn Văn H, Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Võ Quý H, Sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn 4, xã P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1976 và ông Trần Văn D, Sinh năm 1973; Cùng cư trú: thôn 7, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; bà T có mặt, ông D vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn N, Sinh năm 1968; Nơi cư trú: thôn 7, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 03/5/2018, Trần Anh Đ điều khiển xe mô tô biển số 47H5-2038 và mang theo 01 van phá khoá xe mô tô đi đến nhà của Trần Thanh U ở thôn 2, xã P, huyện K rủ U đi đến đám cưới trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì U đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô chở U đi đến thôn 7, xã C, huyện K thì phát hiện nhà ông Nguyễn Văn N đang tổ chức đám cưới cho con, Đ điều khiển xe mô tô đi đến dựng xe cách rạp đám cưới khoảng 50m rồi giả làm khách đến dự đám cưới. Đ và U vào trong đám cưới, ngồi vào mâm và Đ đưa chìa khoá xe của Đ cho U cầm. Khoảng 30 phút sau, Đ đứng dậy đi ra ngoài cách cổng rạp đám cưới khoảng 50m thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 47F1-348.19 của anh Nguyễn Văn H dựng gần với xe của Đ để đi đám cưới con của ông N. Đ lấy van phá khoá bỏ vào ổ khoá điện của xe mô tô của anh H, vận mạnh lên nấc khởi động để mở khoá, rồi lấy điện thoại gọi U đi ra. U đi ra ngoài điều khiển xe mô tô biển số 47H5-2038, còn Đ điều khiển xe mô tô biển số 47F1-348.19 của anh H đi về hướng

thị trấn K, huyện K. Khi đi đến Quốc lộ 26, Đ và U dựng xe lại, Đ dùng van phá mở cốp xe thì phát hiện trong cốp có một chứng minh nhân dân và một cốp xe mô tô biển số 47F1-348.19 mang tên Nguyễn Văn H. Đ lấy cả cốp và chứng minh nhân dân bỏ vào túi rồi cùng U điều khiển hai xe mô tô đi đến tiệm xe máy Trung H ở thôn 4A, xã P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk bán xe mô tô biển số 47F1-348.19 cho anh Nguyễn Võ Quý H với giá 5.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, loại Wave @, màu đen bạc, biển số 47F1-348.19, số máy HC12E7228833, số khung 1259FY228713; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 014659; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240931954 mang tên Nguyễn Văn H (bản photo); 01 giấy bán xe do Nguyễn Văn T ký; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số A0183660 mang tên Trần Văn D, của xe mô tô biển số 47H5-2038.

Tại kết luận định giá tài sản số 32/2018/KL-HĐ992 ngày 17/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự số 992/QĐ - UBND huyện K, kết luận: Giá trị của xe mô tô biển số 47F1-348.19, hiệu Honda, loại xe Wave, màu đen – bạc, tại thời điểm ngày 03/5/2018 có giá trị là 10.000.000 đồng.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Anh Đ khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào sáng ngày 03/5/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 47H5-2038 và mang theo 01 van phá khoá xe mô tô đi đến nhà của bị cáo U, rủ U đi đến đám cưới trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì U đồng ý. Sau đó bị cáo và bị cáo U đến nhà ông N đang tổ chức đám cưới cho con và tại đây bị cáo và bị cáo U đã trộm cắp 01 xe mô tô biển số 47F1-348.19 của anh H, sau khi lấy trộm được xe thì mang lên tiệm xe máy Trung H ở thôn 4A, xã P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cho anh Nguyễn Võ Quý H với giá 5.000.000 đồng, số tiền này đã tiêu xài hết.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh U khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào sáng ngày 03/5/2018, bị cáo cùng bị cáo Đ đã lấy trộm 01 xe mô tô biển số 47F1-348.19 của anh H, sau khi lấy trộm được xe thì mang lên tiệm xe máy Trung H ở thôn 4A, xã P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk bán cho anh Nguyễn Võ Quý H với giá 5.000.000 đồng, số tiền này đã tiêu xài hết. Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội tại Cơ Quan điều tra, những lời khai đó là hoàn T tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình gì. Về mặt dân sự bị cáo đã đưa cho bà T số tiền 2.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình điều tra bị hại anh Nguyễn Văn H trình bày: Vào sáng ngày 03/5/2018 anh có đến dự đám cưới nhà ông Nguyễn Văn N sau khi dự đám cưới xong anh ra về thì phát hiện bị mất một xe mô tô biển số 47F1-348.19, sau đó thì Công an huyện Ea Kar đã xác định bị cáo Đ, U là người đã lấy trộm hiện anh H đã nhận lại T bộ tài sản bị mất trộm và được gia đình bị cáo Đ bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, anh H đã làm đơn bãi nại cho các bị cáo nên nay anh H không có ý kiến yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Quá trình điều tra người có Q lợi, nghĩa vụ liên anh Nguyễn Võ Quý H khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/5/2018 anh đang ở tiệm sửa xe máy Trung H thì có một thanh niên nói tên là Nguyễn Văn T cần bán chiếc xe mô tô biển số 47F1-348.19 sau khi kiểm tra xe thì thống nhất mua với số tiền 5.000.000 đồng, sau đó Công an làm việc thì anh mới biết đây là xe do trộm cắp mà có nên anh đã giao xe trên cho Công an huyện Ea Kar. Hiện gia đình bị cáo Đ đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng nên anh Q không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự và anh đã làm đơn bãi nại cho bị cáo Đ.

Quá trình điều tra người có Q lợi, nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị T khai nhận: Bà T là mẹ ruột của bị cáo Đ sau khi bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội thì đã tác động bà Trà bồi thường thay cho bị cáo và bà đã trực tiếp bồi thường cho anh H số tiền 1.500.000 đồng và bồi thường cho anh H số tiền 5.000.000 đồng, trong số tiền này thì bị cáo U có góp 2.000.000 đồng để cùng bà T bồi thường.

Quá trình điều tra người làm chứng ông Nguyễn Văn N khai nhận: Vào ngày 03/5/2018 gia đình ông có tổ chức đám cưới cho con trai trong các khách mời thì có mời anh Nguyễn Văn H, sau khi anh H ra về thì có phát hiện bị mất 01 xe mô tô biển số 47F1-348.19 là xe của anh H.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Trần Anh Đ và Trần Thanh U về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ Q công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề N Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Anh Đ mức án từ 17 tháng tù đến 20 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh U mức án từ 8 tháng tù đến 11 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại xe mô tô biển số 47F1-348.19, nhãn hiệu Hon Đa, loại xe Wave; 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô biển số 47F1-348.19; 01 bản sao giấy chứng minh nhân số 240931954 đều mang tên Nguyễn Văn H cho chủ sở hữu anh H nhận sử dụng là phù hợp.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 giấy bán, cho, tặng xe đề ngày 3/5/2018 do bị cáo Trần Anh Đ viết.

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện viện kiểm sát, không tranh

luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước, sớm làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nh thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào sáng ngày 03/8/2018, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H với mục đích tiêu xài cá nhân. Nên đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội cánh ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Có như vậy mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong Toàn xã hội.

Trong vụ án này có hai bị cáo tham gia, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp, bị cáo Đ là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra bị cáo Đ ngày 07/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 06/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, ngày 15 tháng 10 năm 2017 chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo Đ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và cao hơn bị cáo U.

Bị cáo U tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm với bị cáo Đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung về hậu quả. Nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhưng thấp hơn bị cáo Đ là phù hợp.

[4] Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo Đ đã tác động gia đình cùng bị cáo U khắc phục hậu quả, bồi thường cho người bị hại 1.500.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 5.000.000 đồng và các bị cáo đã được người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T bồi thường cho người bị hại 1.500.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 5.000.000 đồng (trong đó bị cáo U bồi thường 2.000.000 đồng, bà T 4.500.000 đồng). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản, tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại xe mô tô biển số 47F1-348.19, nhãn hiệu Hon Đa, loại xe Wave; 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô biển số 47F1-348.19; 01 bản sao giấy chứng minh nhân số 240931954 đều mang tên Nguyễn Văn H cho chủ sở hữu anh H nhận sử dụng là phù hợp.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 giấy bán, cho, tặng xe đề ngày 3/5/2018 do bị cáo Trần Anh Đ viết.

Đối với một van phá khóa tự chế hình chữ L mà bị cáo Đ dùng để phá khóa xe mô tô biển số 47F1-348.19 khi phá được khóa bị cáo cất giấu trong người và không xác định được nơi đánh mất nên quá trình điều tra không truy tìm được.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47H5-2038 là xe của ông Trần Văn D, khi bị cáo Đ lấy đi thì ông D không biết là bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Do đó, Cơ quan cảnh Sát điều tra Công an huyện Ea Kar không ra quyết định thu giữ đối với xe mô tô trên là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Võ Quý H là người mua tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng tại thời điểm đó anh H không biết được đó là các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề N đối với bị cáo U là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đối với bị cáo Đ có phần nghiêm khắc nên xử ở mức thấp hơn là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Anh Đ, Trần Thanh U phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh Đ 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/6/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh U 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T bồi thường cho người bị hại 1.500.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 5.000.000 đồng (trong đó bị cáo U bồi thường 2.000.000 đồng, bà T 4.500.000 đồng). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản, tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại xe mô tô biển số 47F1-348.19, nhãn hiệu Hon Đa, loại xe Wave; 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô biển số 47F1-348.19; 01 bản sao giấy chứng minh nhân số 240931954 đều mang tên Nguyễn Văn H cho chủ sở hữu anh H nhận sử dụng là phù hợp.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 giấy bán, cho, tặng xe đề ngày 3/5/2018 do bị cáo Trần Anh Đ viết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Anh Đ và Trần Thanh U mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS huyện EaKar;
- Chi cục THA huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh